|  |  |
| --- | --- |
| **CHÍNH PHỦ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc**  |
| Số: /2023/NĐ-CP | *Hà Nội, ngày tháng năm 2023* |

***(Dự thảo)***

**NGHỊ ĐỊNH**

**Quy định chi tiết việc bầu cử, sử dụng, quản lý cán bộ; tuyển dụng, sử dụng, quản lý công chức làm việc tại xã, phường, thị trấn**

**của Thành phố Hồ Chí Minh**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;*

*Căn cứ Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ;*

*Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết việc* *bầu cử, sử dụng, quản lý cán bộ; tuyển dụng, sử dụng, quản lý công chức làm việc tại xã, phường, thị trấn của Thành phố Hồ Chí Minh.*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Nghị định này quy định chi tiết việc bầu cử, sử dụng, quản lý cán bộ; tuyển dụng, sử dụng, quản lý công chức làm việc tại xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) của Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Đối tượng áp dụng của Nghị định này gồm:

a) Cán bộ làm việc tại xã, phường, thị trấn quy định tại khoản 2 Điều 61 Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2019), trừ Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường thuộc quận và thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh;

b) Công chức làm việc tại xã, thị trấn theo quy định tại khoản 3 Điều 61 của Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2019);

c) Công chức làm việc tại phường theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 2.** **Tiêu chuẩn cán bộ, công chức làm việc tại xã, phường, thị trấn của Thành phố Hồ Chí Minh**

Tiêu chuẩn của cán bộ, công chức làm việc tại xã, phường, thị trấn của Thành phố Hồ Chí Minh do Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương nhưng không thấp hơn tiêu chuẩn quy định tại Nghị định của Chính phủ về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.

**Điều 3. Bầu cử, sử dụng, quản lý cán bộ** **làm việc tại xã, phường, thị trấn của Thành phố Hồ Chí Minh**

1. Bầu cử cán bộ cấp xã đảm nhiệm chức vụ trong Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã, thị trấn thực hiện theo quy định của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân, Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Bầu cử cán bộ cấp xã đảm nhiệm chức vụ trong tổ chức Đảng, tổ chức chính trị - xã hội cấp xã thực hiện theo điều lệ, quy định của Đảng và của các tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương.

2. Uỷ ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện hoặc phân cấp cho Uỷ ban nhân dân cấp huyện, quận, thành phố thuộc thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi chung là cấp huyện) thực hiện việc quản lý, chế độ tiền lương, chế độ, chính sách đãi ngộ, đánh giá, khen thưởng và xử lý kỷ luật đối với cán bộ cấp xã theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng cán bộ, công chức. Trường hợp luật, điều lệ, quy định của Đảng và của các tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương có quy định về quản lý, đánh giá, khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ cấp xã đảm nhiệm chức vụ trong tổ chức Đảng, tổ chức chính trị - xã hội cấp xã khác với quy định tại Nghị định này thì thực hiện theo quy định đó.

3. Sau khi cấp có thẩm quyền phê chuẩn kết quả bầu cử, chỉ định chức danh cán bộ cấp xã, Uỷ ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh hoặc Uỷ ban nhân dân cấp huyện theo phân cấp ban hành Quyết định xếp lương đối với cán bộ cấp xã. Quyết định này có giá trị như quyết định tuyển dụng công chức đối với các trường hợp chưa là công chức trước thời điểm bổ nhiệm cán bộ cấp xã để xem xét bố trí, phân công công tác theo quy định tại khoản 6 Điều này.

4. Việc xếp lương đối với cán bộ làm việc tại xã, phường, thị trấn tốt nghiệp trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ quy định tại Điều 2 Nghị định này được thực hiện như công chức hành chính có cùng trình độ đào tạo quy định tại bảng lương chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức trong các cơ quan nhà nước ban hành kèm theo Nghị định của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

Riêng chức danh Chủ tịch Hội Cựu chiến binh và Chủ tịch Hội Nông dân nếu lần đầu giữ chức vụ tính đến tháng đủ tuổi nghỉ hưu còn đủ 02 nhiệm kỳ giữ chức vụ nhưng chưa đạt trình độ nghiệp vụ theo tiêu chuẩn tại Điều 2 Nghị định này hoặc là người đang hưởng chế độ hưu trí, trợ cấp mất sức lao động được bầu giữ chức vụ cán bộ làm việc tại xã, phường, thị trấn được xếp lương bậc 1, hệ số 1,95 lần lương cơ sở; sau thời gian đủ 5 năm (60 tháng), nếu hoàn thành nhiệm vụ được giao và không bị kỷ luật trong suốt thời gian này thì được nâng lên bậc 2, hệ số 2,45 lần lương cơ sở. Cán bộ cấp xã là người đang hưởng chế độ hưu trí hoặc trợ cấp mất sức lao động, ngoài lương hưu hoặc trợ cấp mất sức lao động hàng tháng hiện hưởng được xếp, hưởng lương và các chế độ phụ cấp theo chức vụ hiện đảm nhiệm quy định tại Nghị định này và không phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

5. Về phụ cấp chức vụ lãnh đạo của cán bộ cấp xã:

a) Bí thư Đảng ủy cấp xã: 0,35.

b) Phó Bí thư Đảng ủy cấp xã, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn: 0,30.

c) Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn: 0,25.

d) Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ, Chủ tịch Hội Nông dân, Chủ tịch Hội Cựu chiến binh cấp xã: 0,20.

6. Theo yêu cầu, nhiệm vụ công tác hoặc khi thôi đảm nhiệm chức vụ (không trong thời hạn bị xử lý kỷ luật), cán bộ làm việc tại xã, phường, thị trấn được bố trí, phân công công tác, điều động, làm công chức làm việc tại phường, xã, thị trấn; công chức từ cấp huyện trở lên nếu đủ điều kiện về tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của vị trí việc làm mới. Tại vị trí việc làm mới thực hiện bổ nhiệm ngạch, xếp lương theo quy định pháp luật về quản lý công chức.

7. Việc bãi nhiệm, miễn nhiệm, cho thôi giữ chức vụ đối với cán bộ làm việc tại xã, phường, thị trấn của Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện theo quy định của Luật Cán bộ, công chức, Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân và quy định khác của pháp luật có liên quan, điều lệ, quy định của Đảng và của tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương.

**Điều 4. Tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức làm việc tại xã, phường, thị trấn của Thành phố Hồ Chí Minh**

1. Uỷ ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện hoặc phân cấp cho Uỷ ban nhân dân cấp huyện thực hiện việc quản lý, chế độ tiền lương, chế độ, chính sách đãi ngộ, đánh giá, khen thưởng và xử lý kỷ luật đối với công chức làm việc tại xã, thị trấn.

2. Việc tuyển dụng, quản lý và sử dụng công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân xã, thị trấn thực hiện theo quy định của Luật Cán bộ, công chức và quy định của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức.

3. Đối với chức danh Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp xã, việc tuyển dụng, bổ nhiệm thực hiện theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 23 Luật Dân quân tự vệ và văn bản hướng dẫn thi hành. Quyết định bổ nhiệm đồng thời là quyết định tuyển dụng công chức đối với trường hợp chưa phải là công chức.

4. Về phụ cấp chức vụ lãnh đạo đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân phường (trừ phường thuộc thành phố Thủ Đức):

a) Chủ tịch Uỷ ban nhân dân phường: 0,3.

b) Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân phường: 0,25.

**Điều 5. Trách nhiệm tổ chức thực hiện**

1. Căn cứ quy mô dân số, hoạt động kinh tế và đặc điểm địa bàn, Uỷ ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành tiêu chí, tiêu chuẩn, định mức đối với số lượng cán bộ, công chức tại phường, xã, thị trấn; quyết định cơ cấu, số lượng cán bộ, công chức tại phường, xã, thị trấn.

2. Trên cơ sở định mức số lượng cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn được Hội đồng nhân dân Thành phố phê duyệt, Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo cấp có thẩm quyền về quản lý biên chế xem xét, bổ sung số lượng biên chế công chức cấp huyện tại Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định.

3. Căn cứ quy định của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về tiêu chuẩn, cơ cấu, định mức cán bộ, công chức tại phường, xã, thị trấn, Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định số lượng cụ thể cán bộ, công chức làm việc tại xã, phường, thị trấn và bố trí số lượng công chức của từng chức danh công chức làm việc tại xã, phường, thị trấn thuộc phạm vi quản lý cho phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ của từng đơn vị hành chính cấp xã, bảo đảm không vượt quá số lượng biên chế cán bộ, công chức làm việc tại xã, phường, thị trấn được Hội đồng nhân dân Thành phố giao.

4. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn có trách nhiệm triển khai thực hiện Nghị định này; quyết định theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định các nội dung quản lý nhà nước về cán bộ, công chức làm việc tại xã, phường, thị trấn thuộc Thành phố Hồ Chí Minh; định kỳ báo cáo hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền báo cáo về kết quả thực hiện việc bầu cử, sử dụng, quản lý, giải quyết chế độ, chính sách, kỷ luật đối với cán bộ làm việc tại phường, xã, thị trấn và tuyển dụng, sử dụng, quản lý, giải quyết chế độ, chính sách, kỷ luật đối với công chức làm việc tại xã, phường, thị trấn của Thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 6. Điều khoản chuyển tiếp**

1. Từ ngày 01 tháng 8 năm 2023, cán bộ, công chức đang làm việc tại xã, thị trấn và cán bộ phường được chuyển thành cán bộ, công chức cấp huyện trở lên làm việc tại xã, phường, thị trấn đang công tác và phải đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định; trường hợp chuyển sang vị trí việc làm mới thì công chức phải bảo đảm điều kiện, tiêu chuẩn phù hợp vị trí việc làm đó.

Phòng Nội vụ thuộc Uỷ ban nhân dân cấp huyện rà soát hồ sơ cán bộ, công chức đang làm việc tại xã, phường, thị trấn để báo cáo Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp huyện và gửi Sở Nội vụ thẩm định. Sau khi có ý kiến thẩm định của Sở Nội vụ, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định chuyển cán bộ, công chức đang làm việc xã, phường, thị trấn thành cán bộ, công chức cấp huyện trở lên thuộc biên chế của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Cán bộ, công chức đang làm việc tại xã, thị trấn và cán bộ đang làm việc tại phường không đáp ứng đủ tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều này thì trong thời hạn 05 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành phải đáp ứng đủ tiêu chuẩn theo quy định; trong thời gian này tiếp tục thực hiện chế độ, chính sách theo quy định của Chính phủ về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã. Hết thời hạn 05 năm mà chưa đáp ứng đủ tiêu chuẩn theo quy định thì thực hiện chế độ nghỉ hưu (nếu đủ điều kiện) hoặc thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo quy định của Chính phủ.

3. Ngoài những chế độ, chính sách quy định tại khoản 2 Điều này, trên cơ sở cân đối ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp ban hành chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức làm việc tại xã, thị trấn và cán bộ làm việc tại phường thuộc diện giải quyết chế độ, chính sách quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Thời gian giữ chức vụ cán bộ thuộc tổ chức Đảng, Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở xã, phường, thị trấn trước ngày 01 tháng 8 năm 2023 được tính vào thời gian giữ chức vụ theo quy định.

**Điều 7. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày … tháng …. năm 2023.

2. Khoản 1 Điều 29 Nghị định số 33/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định về biện pháp thi hành Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về tiêu chuẩn, cơ cấu, định mức cán bộ, công chức cấp xã có hiệu lực thi hành./.

|  |  |
| --- | --- |
|  ***Nơi nhận:***- Ban Bí thư Trung ương Đảng;- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;- Văn phòng Tổng Bí thư;- Văn phòng Chủ tịch nước;- Văn phòng Quốc hội;- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;- Tòa Án nhân dân tối cao;- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;- Kiểm toán nhà nước;- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;- Lưu: aVT, NC (2). | **TM. CHÍNH PHỦTHỦ TƯỚNG****Phạm Minh Chính** |